

クラス名	: 20J2				
3月22日（火）【08:00～09:45】（C1棟・102号室）Zoom Meeting ID: 353 528 3380 Passcode: yeucongot					
順	グループ名	商品・サービス名	ブランド名	会社名／メーカー	CM動画の長さ
例	0	Viettel4G (モバイルデータ通信)	Viettel	Viettel	5分45秒
1	1	風油	Thien Thao	Dong Nam Duoc Truong Son	
2	2	Vinamilk Canxi pro (ビナミルクのミ ルク)	Vinamilk	Vinamilk	5分31秒
3	3	コーヒー	Passiona+ G7	Trung Nguyên	8分22秒
4	4	ハオハオ ラメン	Hao Hao	Acecook	7分48秒
5	5	CHINSU 醤油	CHINSU	Masan	10分50秒
6	6	シャンプー	Thai Duong	Sao Thai Duong	6分30秒

クラス名	: 20J3				
3月22日(火)					
順	グループ名	商品・サービス名	ブランド名	会社名/メーカー	CM動画の長さ
例	0	Viettel4G (モバイルデータ通信)	Viettel	Viettel	5分45秒
1	1	Cao sao vàng (ゴールデン・スター・バーム)	Cao sao vàng	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC và Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	3分39秒
2	2	Cà phê G7 (G7コーヒー)	Passiona, Capuchino, Đen, 3in1	Tập đoàn Trung Nguyên	
3	3	Chổi đốt (ベトナム製のほうき)		Tâm Đức	4分
4	4	Bánh AFC (AFC クラッカー)	AFC	Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô	4分57秒
5	5	Sữa Vinamilk (ビナミリク)	Vinamilk	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	
6	6	Muối chấm Hào Hào	Hào Hào	Công ty cổ phần ACECOOK Việt Nam	4分22秒
7	7				

クラス名 : 20J4 @

3月21日(月)【08:00~09:45】(A2棟・407号室)Zoom Meeting ID: Passcode: 151197

順	グループ名	商品・サービス名	ブランド名	会社名/メーカー	CM動画の長さ
例	0	Viettel4G (モバイルデータ通信)	Viettel	Viettel	5分45秒
1	1	Vinamilk Love Yogurt	Vinamilk	Vinamilk	8分47秒
2	2	Nam Hà 咳止シロップ・のど飴・スプレー	Nam Hà	NAMHA PHARMA	4分41秒
3	3	Trung Nguyên コーヒー (cà phê Sáng tạo 3)	Trung Nguyên	Trung Nguyên	
4	4	口紅	KYS	KYS	5分11秒
5	5	Phuc Long ハス茶	Phúc Long	Phúc Long Heritage	5分40秒

クラス名	: 20J5				
3月21日(月)【10:00~11:45】(A2棟・407号室)Zoom Meeting ID: Passcode: 151197					
順	グループ名	商品・サービス名	ブランド名	会社名/メーカー	CM動画の長さ
例	0	Viettel4G (モバイルデータ通信)	Viettel	Viettel	5分45秒
1	1	インスタントピーナッツ	なし	なし	5分09秒
2	2	TH true Yogurt	TH Group	TH Group	8分03秒
3	3	TH True Yogurt	TH Group	TH Group	4分23秒
4	4	チットほうき	なし	なし	5分30秒
5	5	風油	天草	Truong Son Dong Nam Pharmaceutical Co., Ltd	3分06秒
6	6				
7	7				

クラス名	: 20J6				
3月23日(水)【08:00~09:45】(C2棟・101号室)Zoom Meeting ID: 353 528 3380 Passcode: yeucongot					
順	グループ名	商品・サービス名	ブランド名	会社名/メーカー	CM動画の長さ
例	0	Viettel4G (モバイルデータ通信)	Viettel	Viettel	5分45秒
1	1	mamtom	ベトナムの料理		3分40秒
2	2	とうがんマスク	ココーン	ココーン	4分
3	3	ザボンヘアトニック	ココーン	ココーン	5分46秒
4	4	コーヒー	Cà phê G7 (G7コーヒー)	Trung Nguyên	4分
5	5	ナムングフーコック魚醤	魚醤	CHINSU	
6	6	薬用オイル/緑の油	チュオン・ソン(Truong Son)	長山東南薬(Đông Nam Dược Truong Son)	
7	7				

クラス名	: 20J7				
3月23日(水)【10:00~11:45】(C2棟・101号室)Zoom Meeting ID: 353 528 3380 Passcode: yeucongot					
順	グループ名	商品・サービス名	ブランド名	会社名/メーカー	CM動画の長さ
例	0	Viettel4G (モバイルデータ通信)	Viettel	Viettel	5分45秒
1	1	コーヒーフレーバーで247エナジードリンクを目覚めさせる	Vinacafe	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	2分40秒
2	2	ONG THOコンデンスミルク	Vinamilk (ビナミルク)	Vinamilk (ビナミルク)	7分05秒
3	3	Dầu gió xanh (緑の油)	Trường Sơn	Đông Nam Dược Trường Sơn	5分04秒
4	4	Cà phê G7 (G7コーヒー)	Cà phê Trung Nguyên	Tập đoàn Trung Nguyên	
5	5	ONG THOコンデンスミルク	Vinamilk (ビナミルク)	Vinamilk (ビナミルク)	8分22秒
6	6	シャンプー	Thai Duong	Sao Thai Duong	2分49秒
7	7				

クラス名	: 20J8				
3月24日(木)【10:00~11:45】(C2棟・102号室)Zoom Meeting ID: Passcode: 151197					
順	グループ名	商品・サービス名	ブランド名	会社名/メーカー	CM動画の長さ
例	0	Viettel4G (モバイルデータ通信)	Viettel	Viettel	5分45秒
1	1	Alpenliebe (アルペンリーベ)	Alpenliebe (アルペンリーベ)	Perfetti Van Melle	
2	2	Thuốc ho Bảo Thanh		Dược phẩm Hoa Linh	
3	3	Cà phê G7 (G7コーヒー)		Trung Nguyên (チュングエン)	
4	4	Muối chấm Hào Hào	ハオハオ塩	Acecook Việt Nam	
5	5	Dầu gội - xả - tinh dầu Cocoon (Cocoonシャンプー・コンディショナー・エッセンシャルオイル)	Cocoon	Nature Story化粧品有限会社	
6	6	Wake up 247 vị cà phê	Wake up 247	Vinacafé Biên Hòa	